

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 01 - 2025
V/v: *Tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trí Dũng

Ông Vũ Văn Võ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20/11/2024, về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu D, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Sầm Văn L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu D, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị V và anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị V trình bày:

Chị và anh Sầm Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không làm thủ đăng ký kết hôn và chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Sau khi chị và anh L về chung sống cùng nhau thì cư trú tại khu D, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống cùng nhau có hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian sau đó đã xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do giữa chị và anh L có nhiều quan điểm bất đồng, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống chung không hòa hợp. Mặc dù, đã nhiều lần hai bên nói chuyện và được gia đình hai bên khuyên giải nhưng vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn. Từ năm 2021 cho đến nay chị và anh L đã không còn chung sống với nhau nữa, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L và để ổn định cuộc sống của bản thân nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Sầm Văn N, sinh ngày 22/7/1996 và Sầm Văn Đ, sinh ngày 05/8/1998. Hiện cả hai con chung đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Sầm Văn L nhưng anh L vắng mặt các buổi làm việc và tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ. Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại xã C và làm việc với bị đơn là anh Sầm Văn L. Kết quả xác minh và lời khai của anh L hoàn toàn phù hợp với lời khai của nguyên đơn là chị Hoàng Thị V về quá trình sống chung, mâu thuẫn của hai bên và con chung. Nay anh L cũng xác định giữa anh và chị V không còn tình cảm với nhau nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị V, anh đồng ý; Về con chung: Hiện cả hai con chung đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, vay nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án anh đều đã nhận được vì bận công việc nên anh không đến Tòa án làm việc, anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

3. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị V và anh Sầm Văn L.

Về con chung: Chị Hoàng Thị V và anh Sầm Văn L có 02 con chung là Sầm Văn N, sinh ngày 22/7/1996 và Sầm Văn Đ, sinh ngày 05/8/1998. Hiện cả hai con chung đã thành niên nên không phải giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị V phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là chị Hoàng Thị V khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bị đơn là anh Sầm Văn L, cư trú tại khu B, xã C, huyện Đ, nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị V và bị đơn là anh Sầm Văn L đều vắng mặt nhưng đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn phù hợp các quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị V và anh Sầm Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị V và anh Sầm Văn L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa chị V và anh L đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và hiện nay không còn chung sống với nhau nữa. Lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xác minh tại

địa phương cho thấy: Mâu thuẫn giữa chị V và anh L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài...Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị V và anh Sầm Văn L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh L có 02 con chung là Sầm Văn N, sinh ngày 22/7/1996 và Sầm Văn Đ, sinh ngày 05/8/1998, cả hai con chung đã thành niên nên không phải giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị V và anh L không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị V là người khởi kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị V và anh Sầm Văn L.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị V và anh Sầm Văn L có 02 con chung là Sầm Văn N, sinh ngày 22/7/1996 và Sầm Văn Đ, sinh ngày 05/8/1998, đều đã thành niên nên không phải giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0002379, ngày 20/11/2024 (do chị Lê Thị Ánh D nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Xác nhận chị Hoàng Thị V đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự (vắng mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án, để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đoan Hùng;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND xã Ca Đình;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Duyên

